



CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Quận I, Tp.HCM

Tel: +84.8-3.914.4290 - Fax: +84.8-3.914.2295

Website: www.ors.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

NỘI DUNG

- ❖ LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG tr.1
- ❖ PHƯƠNG CHÂM HOẠT ĐỘNG - ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN tr.3
- ❖ BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ tr.4
- ❖ BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC tr.5
- ❖ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2011tr.11
- ❖ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010tr.12
- ❖ TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰtr.30
- ❖ THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY...tr.31

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG

1. Quá trình hình thành

Ngày 29/12/2006 Công ty cổ phần Chứng khoán Phương Đông (ORS) được thành lập theo quyết định số 49/UBCK-GPHĐKD ngày 29/12 /2006 của UBCKNN và đăng ký kinh doanh số: 4103005822 ngày 28/12/2006 tại Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM với số vốn điều lệ ban đầu là 60 tỷ đồng. Các cổ đông sáng lập bao gồm: Ngân hàng TMCP Phương Đông, Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (Savico), Tổng công ty Bến Thành (Sunimex),...

Ngày 17/05/2007 Công ty cổ phần Chứng khoán Phương Đông được công nhận là thành viên của Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nay là: Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh và chính thức khai trương hoạt động. Là công ty chứng khoán được cấp phép hoạt động với các nghiệp vụ theo pháp luật hiện hành bao gồm: Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Tư vấn tài chính & đầu tư chứng khoán, Lưu ký chứng khoán. Với mục tiêu phát triển ổn định vững chắc, xem trọng việc nâng cao chất lượng dịch vụ, công ty xác định trọng tâm cho hoạt động trong giai đoạn trước mắt là phát triển tốt hệ thống Công nghệ, nâng cao đào tạo nguồn nhân lực, tăng cường nghiên cứu đầu tư phân tích chiều sâu để có dữ liệu tốt phục vụ phân tích, môi giới và tư vấn, tăng cường nguồn vốn hỗ trợ đầu tư cho phát triển công nghệ hiện đại.

Tên gọi: Công ty cổ phần Chứng khoán Phương Đông

Tên giao dịch quốc tế: Orient Securities Corporation

Tên viết tắt: ORS

Mã chứng khoán: ORS

Địa chỉ: 194 Nguyễn Công Trứ, Quận I, TPHCM

Điện thoại: (84-8) 3914 4290 Fax: (84-8) 3914 2295

Vốn điều lệ: 240.000.000.000 đồng

2. Các cột mốc phát triển

- Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (ORS) chính thức khai trương hoạt động ngày 17/05/2007. ORS có trụ sở chính tại 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1 Tp. Hồ Chí Minh.
- ORS chính thức trở thành thành viên giao dịch của Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp. Hồ Chí Minh ngày 17/05/2007.
- ORS chính thức trở thành thành viên giao dịch của Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội ngày 15/08/2007.
- ORS khai trương Đại lý nhận lệnh Hà Nội ngày 25/09/2007
- Ngày 4/1/2008: Khai trương Đại lý nhận lệnh ORS-Đồng Biên – Biên Hòa
- Ngày 24/1/2008: Khai trương Chi nhánh ORS tại Cần Thơ
- Ngày 1/2/2008: Chính thức đưa dịch vụ giao dịch trực tuyến vào hoạt động

-
- Ngày 5/3/2008: Khai trương phòng giao dịch của ORS tại quận Tân Bình – TP.HCM
 - Tháng 9/2009 : Khai trương ORS chi nhánh Tân Bình - tiền thân là PGD Tân Bình.
 - Tháng 03/2010: Khai trương Chi nhánh Đồng Biên tại Thành phố Biên Hòa – Tỉnh Đồng Nai.
 - Tháng 04/2010: ORS chính thức khai trương Chi nhánh Hà Nội
 - Tháng 06/2010: ORS đã khai trương và đưa vào hoạt động Phòng giao dịch Thành Công
 - Ngày 12/07/2010: Cổ phiếu của ORS đã chính thức được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
 - Tháng 08/2010, ORS khai trương Chi nhánh Gia Định
 - Tháng 11/2010, ORS nhận giấy phép đổi tên và địa điểm Phòng giao dịch Thành Công thành Phòng giao dịch Bến Thành
 - Tháng 12/2010, ORS nhận giấy phép đổi tên Chi nhánh Đồng Biên thành Chi nhánh Đồng Nai



II. PHƯƠNG CHÂM HOẠT ĐỘNG - ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. *Triết lý kinh doanh*

Với phương châm hoạt động tận tình, trung thực, vì lợi ích của khách hàng và mang tính chuyên nghiệp cao. ORS cam kết mang đến cho khách hàng những cơ hội đầu tư hiệu quả cùng với những dịch vụ tiện lợi và hoàn hảo nhất, đồng thời mang lại những lợi ích thiết thực và bền vững cho cổ đông.

2. *Tiêu chí quản trị*

Với tiêu chí: **“Hợp tác - Chia sẻ - Cùng thịnh vượng”**, Công ty đã tập trung hướng đến khách hàng, có trách nhiệm cung cấp những tiện ích nhằm tạo giá trị gia tăng cho khách hàng và tuân thủ pháp luật.

3. *Phương hướng, chiến lược phát triển của Công ty trong các năm tiếp theo*

- Đảm bảo tốc độ tăng trưởng và ổn định trên cơ sở mở rộng quy mô kinh doanh để đạt mục đích tối đa hoá lợi nhuận cho cổ đông; cũng như đảm bảo quyền lợi của Nhà đầu tư.
- Tiếp tục ổn định hoạt động của công ty. Phấn đấu thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2011; gia tăng giá trị doanh nghiệp và nâng cao lợi ích cổ đông.
- Nâng cao chất lượng đời sống của người lao động.
- Tăng cường công tác quản trị, đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp.
- Hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin để đáp ứng xu thế thị trường:
 - ✚ ORS đã thành công trong đợt thử nghiệm giao dịch từ xa của HASTC và giao dịch không sàn của HOSE.
 - ✚ ORS đã trở thành 1 trên tổng số 13 công ty chứng khoán được cấp phép đầu tiên về cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến cho nhà đầu tư.

Song song với giao dịch trực tuyến, giao dịch không sàn và giao dịch từ xa; tại ORS nhà đầu tư có thể đặt lệnh nhanh chóng và hiệu quả. Đầu tư vào cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm hiện đại hoá hệ thống giao dịch cho khách hàng là một trong những ưu tiên hàng đầu của Ban lãnh đạo công ty.

- Tạo vị thế cạnh tranh đối với các công ty cùng ngành:
 - ✚ ORS không ngừng nâng cao các dịch vụ nhằm mang lại những giá trị tiện ích cho khách hàng như : dịch vụ môi giới, quản lý cổ đông, tư vấn niêm yết, tư vấn đầu tư ...
 - ✚ ORS sẽ đào tạo và đào tạo lại trình độ nghiệp vụ nhân viên cũng như tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm thu hút nhà đầu tư chiến lược, khách hàng tổ chức...

III. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

1. Những nét nổi bật về kết quả hoạt động năm 2010.

Hội Đồng Quản Trị Công ty gồm 5 thành viên. Trong năm 2010, Hội Đồng Quản Trị Công ty hoạt động tích cực, đã tiến hành 9 phiên họp để bàn bạc thảo luận các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị.

Các chỉ tiêu kinh doanh năm 2010 do đại hội cổ đông giao, cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2010 (tỷ đồng)	Thực hiện 2010 (tỷ đồng)
1	Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	77	81
2	Lợi nhuận thực hiện (trước thuế)	30	28,4

Trong bối cảnh chung của kinh tế toàn cầu năm 2010. Ngành tài chính đã rơi vào hoàn cảnh vô cùng khó khăn, khủng hoảng nợ tại Châu Âu (Hy Lạp, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha...) nên kinh tế Mỹ hồi phục chậm gây ảnh hưởng đến tâm lý các nhà đầu tư. Trong nước, tình hình lạm phát tăng cao (11,75%), bất ổn về tỷ giá hối đoái, vàng (giá USD và giá vàng tăng kỷ lục), chính sách tài chính – tiền tệ thắt chặt, lãi suất luôn duy trì ở mức cao (trung bình từ 15% - 18%/năm). Hầu hết các công ty chứng khoán đều gặp khó khăn trong hoạt động. Tình hình kinh doanh năm 2010 của ORS chỉ đạt 94.6% mức kế hoạch do hội đồng quản trị đề ra.

2. Kế hoạch năm 2011:

Năm 2011 được dự báo nền kinh tế có nhiều khó khăn hơn năm 2010. Vì vậy, năm 2011 tiếp tục có nhiều bất lợi với cộng đồng doanh nghiệp. Trong bối cảnh đó, HĐQT xác định phương hướng hoạt động trong năm 2011 như sau:

- Chỉ đạo, quản trị công ty tiếp tục ổn định và phát triển.
- Thực hiện xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu.
- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ.
- Tăng cường công tác đào tạo, nâng cao kiến thức, ý thức phục vụ khách hàng sẵn sàng cạnh tranh khi thị trường thuận lợi.

IV. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Tình hình chung:

Thị trường chứng khoán Việt nam đã trải qua 10 năm hình thành và phát triển, trong suốt thời gian đó thị trường đã đạt được những bước tiến quan trọng trong việc tạo lập một kênh huy động vốn hiệu quả cho nền kinh tế. Từ lúc vốn hóa chỉ đạt 0,28% GDP năm 2000, đến hết tháng 12/2010 đã đạt đến hơn 40% GDP - vượt xa tính toán ban đầu của Bộ Tài chính là đến năm 2010 giá trị vốn hóa đạt 15% GDP. Từ khoảng gần 3000 tài khoản nhà đầu tư tham gia khi mới mở cửa thị trường vào năm 2000, tính đến nay, TTCK Việt Nam đã có hơn 926.000 tài khoản, gấp hơn 300 lần so với năm đầu hoạt động, với số lượng công ty chứng khoán từ 7 lên 105 và 46 Công ty quản lý Quỹ đang hoạt động.

Năm 2010 đã khép lại với những phiên giao dịch cuối năm đầy hứng khởi. Nhưng cũng không thể phủ nhận rằng đây là năm đầy khó khăn của thị trường chứng khoán Việt Nam. Dưới những tác động từ các yếu tố gây bất ổn kinh tế thế giới như khủng hoảng nợ ở Châu Âu, nền kinh tế Mỹ chậm hồi phục ... cho đến tình hình leo thang lạm phát trong nước, những bất ổn về giá vàng, tỷ giá hối đoái, chính sách tài chính – tiền tệ thắt chặt theo thông tư 13/2010/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước, lãi suất luôn duy trì ở mức cao, sự cố Vinashin... đã tác động xấu đến tình hình kinh doanh của doanh nghiệp và thị trường chứng khoán, cho dù GDP năm 2010 đã tăng trưởng 6,7%.

Là một công ty chứng khoán, Công ty cổ phần Chứng khoán Phương Đông cũng chịu những tác động trực tiếp của nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng. Trong những thời điểm khó khăn Công ty chủ động thực hành tiết kiệm, cắt giảm chi phí đến mức thấp nhất; đồng thời tập trung vào công tác tự đào tạo chuyên môn cho cán bộ CNV, nâng cao năng lực sẵn sàng cho sự cạnh tranh khi thị trường hồi phục.

2. Tình hình hoạt động

2.1 Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi, khả năng thanh toán

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2010	Năm 2009
Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
<i>Bố trí cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	80.98	80.09
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	19.02	19.91
<i>Bố trí cơ cấu nguồn vốn</i>			

Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	52.97	48.37
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	47.03	51.63
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành (Tổng TS/NPT)	Lần	1.89	2.07
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (TSNH/NNH)	Lần	1.53	1.66
Khả năng thanh toán nhanh (Tiền/NNH)	Lần	0.13	0.46
Tỷ suất sinh lời			
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	34.91	53.46
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	34.91	53.46
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	5.79	6.48
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	5.79	6.48
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu</i>	%	12.32	12.55
Liên quan đến cổ phần			
Số cổ phần đang lưu hành	Triệu CP	24	24
Giá trị sổ sách/cổ phần	Đồng	9.580	8.400

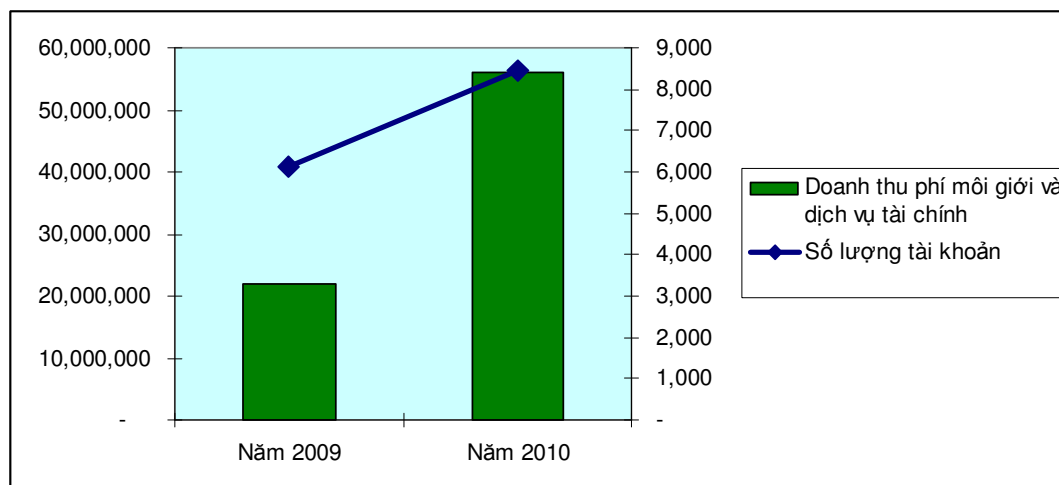
2.2 Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch:

ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay	% tăng/giảm so với năm trước
1	Doanh thu	47,387,358,692	81,329,171,781	72%
2	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25,301,516,054	28,319,100,123	12%
3	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,054	1,180	12%

2.3 Đánh giá các lĩnh vực hoạt động kinh doanh:

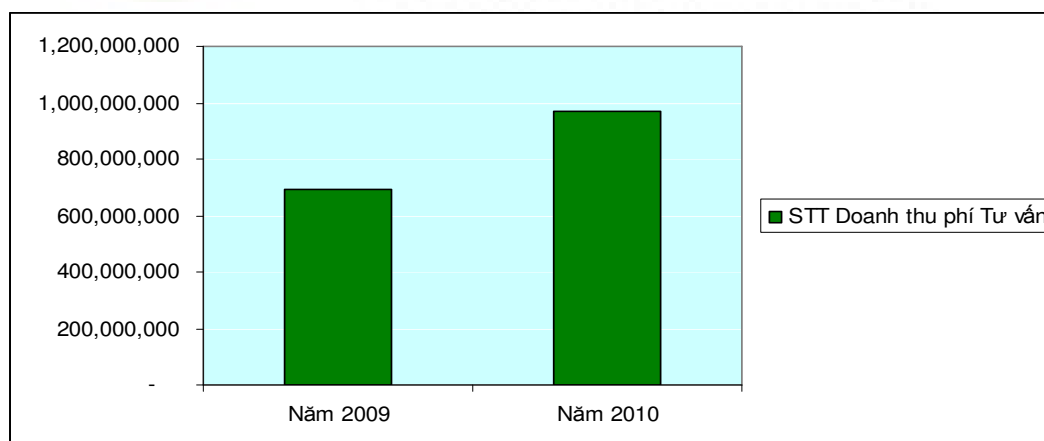
a. Nghiệp vụ Môi giới - Lưu ký:



Trong năm 2010 Công ty đã có sự tăng trưởng doanh thu tốt từ hoạt động môi giới & dịch vụ tài chính đạt 55.9 tỷ đồng, tăng 154% so với năm 2009. Số lượng tài khoản khách hàng đến cuối năm 2010 đạt 8.445 tài khoản, tăng hơn 38% so với năm 2009. Trong đó số lượng tài khoản có giao dịch là 3.299 tài khoản, tăng 22% so với năm 2009.

Tổng cộng lợi nhuận gộp từ hoạt động môi giới & dịch vụ tài chính năm 2010 đạt 25.4 tỷ đồng, tăng 10.4 tỷ đồng, tương ứng tăng 69% so với năm 2009. Đây là một trong những nguồn đóng góp đáng kể vào lợi nhuận chung của công ty và chiếm tỷ trọng 48% trên tổng lợi nhuận năm 2010.

b. Nghiệp vụ Tư vấn & Đại lý phát hành:



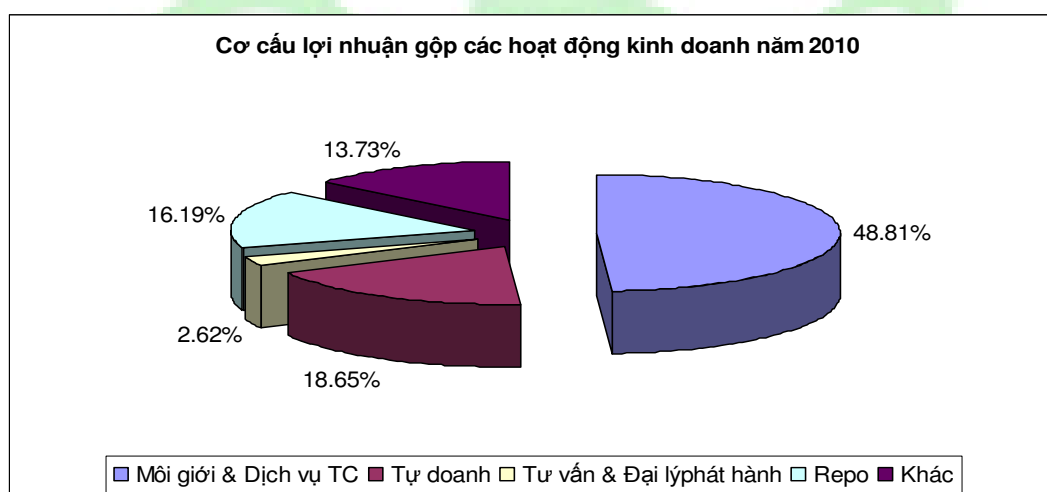
Hoạt động tư vấn & đại lý phát hành trong năm 2010 đóng góp hơn 1.36 tỷ đồng vào lợi nhuận gộp chung của công ty, tăng hơn 760 triệu đồng so với mức lợi nhuận đạt được trong năm 2009, tương đương với mức tăng 126%. Doanh thu tư vấn & đại lý phát hành năm 2010 là 1.52 tỷ đồng, tăng 828.5 triệu đồng, tương đương tăng 120% so với doanh thu tư vấn trong năm 2009.

Nhìn chung, công tác tư vấn trong năm 2010 phải đối mặt với sự cạnh tranh mạnh mẽ về giá phí cung cấp dịch vụ giữa các Công ty chứng khoán, dẫn đến doanh thu về phí không cao mặc dù số lượng hợp đồng ký kết vẫn ổn định. Qua kết quả thu được trong năm 2010, để việc phát triển khách hàng của mảng dịch vụ tư vấn được tốt hơn, bộ phận Tư vấn đã lập và triển khai kế hoạch tuyển dụng nhân sự có kỹ năng thu hút và phát triển khách hàng; phối hợp với các chi nhánh trong hệ thống để tìm kiếm khách hàng. Đồng thời, phát triển thêm các dịch vụ mới như dịch vụ thu xếp vốn, đại lý phát hành, M&A...

c. Hoạt động Tự doanh:

Trong hoạt động tự doanh năm 2010 đạt mức khá trong điều kiện thị trường không có nhiều thuận lợi. Lãi gộp từ hoạt động đầu tư năm 2010, sau khi đã trích lập dự phòng, đạt 9.7 tỷ đồng, bằng 75% so với năm 2009 và chiếm tỷ trọng 18.65% trong cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2010 toàn Công ty. Các hoạt động đầu tư khác đóng góp thêm 16.2% lợi nhuận gộp.

Tóm tắt về cơ cấu lợi nhuận gộp của ORS trong năm 2010 theo biểu đồ sau:



2.3 Các hoạt động khác:

Để hỗ trợ tốt cho hoạt động kinh doanh, một số hoạt động khác của Công ty cũng được tập trung thực hiện trong năm qua:

a. Phát triển công nghệ:

Năm 2010 là năm ghi nhận sự thành công của phòng Công nghệ thông tin với việc triển khai thành công giao dịch không sàn với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Triển khai và đưa vào vận hành thành công dự án Core Securities từ tháng 06/2010. Từ khi đưa vào sử dụng core mới thì tốc độ lệnh vào sàn được cải thiện rõ rệt, công tác bảo mật, quản lý và giám sát được nâng lên.

Ngoài ra, phòng CNTT cũng đã xây dựng xong website mới cho ORS với mục tiêu là biến website của ORS thành một trang tin tài chính chứng khoán chuyên nghiệp để cung cấp các công

cụ hỗ trợ hiệu quả cho nhà đầu tư và là kênh quảng bá quan trọng, thu hút khách hàng hiệu quả cho công ty.

b. Công tác nhân sự:

Tổng số nhân sự Công ty đến ngày 31/12/2010 là 102 người. Mặc dù tình hình thị trường có lúc diễn tiến không thuận lợi, gây ảnh hưởng không tốt đến tâm lý làm việc của cán bộ trong công ty nhưng về cơ bản Công ty vẫn duy trì được một đội ngũ nhân viên làm việc có trình độ chuyên môn, có tâm huyết và cam kết làm việc lâu dài đối với Công ty. Tổng số nhân viên trong công ty vào thời điểm thấp nhất là 83 người và cao nhất là 102 người. Hiện nay, tổng số nhân viên có chứng chỉ hành nghề là 28 người. Mục tiêu của bộ phận Nhân sự trong năm 2011 là tăng cường công tác đào tạo, trang bị thêm cho nhân viên những kỹ năng cần thiết nhằm bổ sung cập nhật kiến thức về tài chính – chứng khoán, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và hiệu suất làm việc, sẵn sàng cạnh tranh khi thị trường thuận lợi.

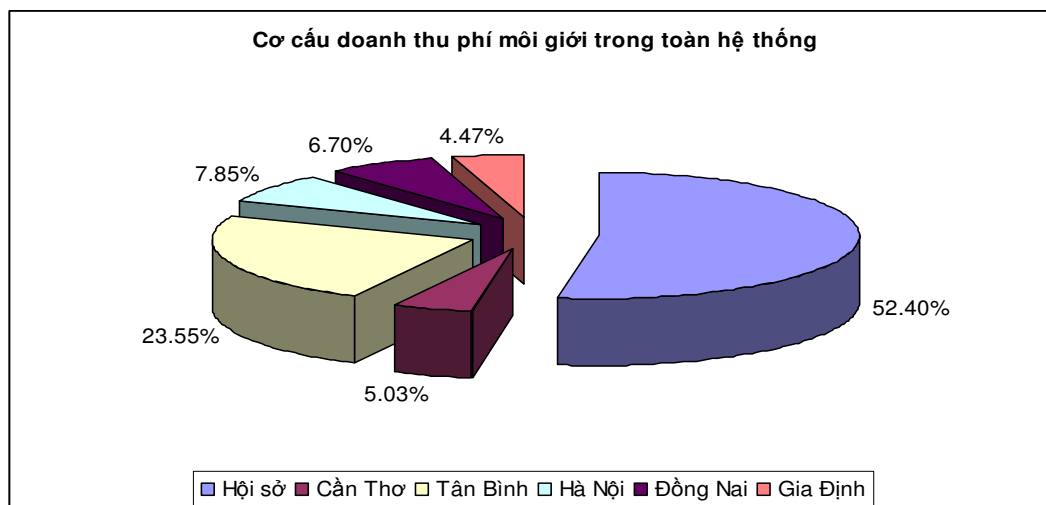
c. Phát triển mạng lưới:

Trong năm 2010 mạng lưới chi nhánh của công ty đã phát triển như sau:

- Thành lập Chi nhánh Đồng Nai.
- Nâng cấp Đại lý nhận lệnh Hà Nội lên thành Chi nhánh Hà Nội.
- Thành lập chi nhánh Gia Định
- Lập Phòng giao dịch Bến Thành

Năm 2011, Công ty sẽ nỗ lực triển khai mở rộng mạng lưới giao dịch thông qua các đối tác có tiềm năng về khách hàng và khả năng tài chính để hợp tác mở các PGD trên địa bàn thành phố HCM đồng thời hướng tới việc mở CN tại các thành phố lớn nếu các năm tiếp theo thị trường thuận lợi hơn

Các đơn vị trong hệ thống năm 2010 chỉ tập trung nghiệp vụ môi giới là chủ yếu và cơ cấu doanh thu của từng đơn vị như sau:



3. Đánh giá chung:

Mặc dù gặp nhiều khó khăn trong hoạt động 2010 nhưng với sự nỗ lực quyết tâm của Ban điều hành cùng toàn thể CBNV ORS năm qua đã phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch ĐHCĐ và HĐQT giao:

- Doanh thu 81.3 tỷ đồng tương đương với 105% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao (77 tỷ đồng).
- Tổng lợi nhuận sau thuế đạt 28.4 tỷ đồng, tăng 12% so với lợi nhuận năm 2009. Tương đương với 94.6% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao (30 tỷ đồng).

Để đạt được kết quả trên, Ban lãnh đạo Công ty đã ý thức được những khó khăn phải phấn đấu để vượt qua nên đã linh hoạt thay đổi phương án và kế hoạch kinh doanh, chuyển đổi cơ cấu nhân sự để tăng hiệu quả và năng lực kinh doanh; cụ thể là một mặt bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ của những chuyên viên bộ phận hỗ trợ kinh doanh để xây dựng đội ngũ “back” giỏi nghiệp vụ, nâng cao chất lượng dịch vụ của Công ty, mặt khác chuyển đổi một bộ phận nhân viên nghiệp vụ có kỹ năng bán hàng tốt thành những chuyên viên môi giới cốt cán, đẩy mạnh doanh số bằng một hệ thống các Cộng tác viên, Chuyên viên môi giới nhằm mang tới cho khách hàng sự hài lòng về dịch vụ và chất lượng cao về tư vấn đầu tư.

Công ty đã trang bị tốt cơ sở vật chất cho các sàn giao dịch, được các nhà đầu tư đánh giá tốt và tiện lợi, đặc biệt việc phát triển công nghệ hệ thống giao dịch của ORS đã được đánh giá cao trên thị trường chứng khoán. Với nền tảng của giải pháp mới, chi phí thấp, công ty đã phát triển các dịch vụ hỗ trợ nhà đầu tư như đặt lệnh trực tuyến, giao dịch online....Hệ thống core mới với đầy đủ các chức năng phục vụ cho giao dịch đồng thời cũng tạo thêm giá trị gia tăng cho khách hàng khi sử dụng hệ thống này để quản trị việc đầu tư của mình một cách có hiệu quả. Đây chính là sự cam kết của Công ty đối với các khách hàng của mình, mong muốn khách hàng có được một dịch vụ hoàn hảo và tiện lợi khi giao dịch qua ORS.

V. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2011

1. Phương hướng và mục tiêu chung:

Thị trường chứng khoán Việt Nam đang có những chuyển biến xấu, năm 2011 Công ty cũng còn gặp rất nhiều khó khăn. Ban điều hành đã thống nhất tập trung mọi nỗ lực để phấn đấu khắc phục những tồn thất còn tồn tại, duy trì hoạt động công ty ổn định, tìm kiếm đối tác, tìm kiếm khách hàng, đẩy mạnh các mặt hoạt động của Công ty đạt hiệu quả cao nhất. Với mục tiêu đề ra cho năm 2011 là **“Tập trung vào các hoạt động dịch vụ khách hàng, đặc biệt là hoạt động môi giới chứng khoán niêm yết, phát triển thị phần và tìm kiếm các cơ hội hợp tác. ORS phấn đấu là một trong những Công ty chứng khoán hoạt động tốt nhất”**.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2011:

Doanh thu	65 tỷ đồng
Tổng lợi nhuận trước thuế	12.8 tỷ đồng

Trong đó:

- Doanh thu môi giới và dịch vụ tài chính: 55,4 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 85%
- Doanh thu từ hoạt động đầu tư 7,6 tỷ đồng, tương ứng 12%
- Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính 2 tỷ đồng, tương ứng 3%

3. Biện pháp tổ chức thực hiện:

- Xây dựng mô hình quản lý Công ty mới trên cơ sở chuyên nghiệp và hiệu quả. Xây dựng chế độ lương và hoa hồng thích hợp cho đội ngũ nhân viên, cộng tác viên và chuyên viên để thu hút nhân sự mới và củng cố, phát huy tinh thần làm việc và gắn bó với Công ty của toàn thể nhân viên trong công ty.
- Tập trung chủ yếu vào các dịch vụ môi giới, các dịch vụ tài chính kèm theo hoạt động môi giới và tư vấn tài chính doanh nghiệp. Tăng cường việc tìm kiếm khách hàng, tập trung hỗ trợ hoạt động kinh doanh tại Hà Nội, giữ vững thị phần tại TPHCM và các địa phương khác. Xây dựng chính sách phát triển khách hàng cụ thể như: Tăng cường các dịch vụ hỗ trợ khách hàng, các chiến lược PR, marketing hiệu quả và phù hợp trong từng giai đoạn. Chuẩn bị và hoàn thiện các sản phẩm mới, sẵn sàng đưa và áp dụng khi pháp luật cho phép.
- Khai thác tối đa những ưu điểm của hệ thống công nghệ mới, cung cấp các dịch vụ mới và hỗ trợ khách hàng ở mức cao nhất. Cải tiến phương thức quản trị nội bộ, xây dựng các chương trình hỗ trợ nghiệp vụ.
- Tăng cường tính cạnh tranh trên thị trường của ORS để thu hút các chuyên viên môi giới giỏi, các khách hàng lớn qua các sản phẩm dịch vụ mới, cạnh tranh và hiệu quả.

-
- Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát và quản lý rủi ro nhằm đảm bảo hoạt động được an toàn và tuân thủ theo quy định của pháp luật.
 - Cơ cấu lại bộ máy nhân sự trên cơ sở tinh gọn, nâng cao hiệu suất và chất lượng làm việc của nhân viên, đồng thời thực hiện tiết kiệm một cách triệt để.



VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2010



02 Huỳnh Khuông Ninh St., Da Kao Ward, District 1, HCMC
 - 5 - Tel : (84-8) 3910 5401 - Fax : (84-8) 3910 5402
 Email : vietland@vietlandaudit.com.vn
 Website : www.vietlandaudit.com.vn

Số: 0038/2011/BCTC-KTTV

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
 CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Phương Đông gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 18 tháng 02 năm 2011, từ trang 6 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực Quốc tế về kiểm toán được thừa nhận tại Việt Nam và các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của kiểm toán

Theo ý kiến Chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Phương Đông tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2011

VÕ THÈ HOÀNG - Giám đốc điều hành
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0484/KTV

NGUYỄN CAO HOÀI THU - Kiểm toán viên
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0474/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

- 6 -

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		395.928.024.680	312.710.231.803
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		33.368.980.108	86.887.749.790
Tiền	111	VI.1	33.368.980.108	86.887.749.790
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.3	43.978.036.667	29.100.634.794
1. Đầu tư ngắn hạn	121		54.438.553.379	36.579.954.508
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(10.460.516.712)	(7.479.319.714)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	VI.4	317.675.600.929	188.253.135.127
1. Phải thu khách hàng	131		5.890.135.121	2.781.347.617
2. Trả trước cho người bán	132		302.892.510	1.667.639.190
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	134		6.435.750.577	6.788.519.600
4. Các khoản phải thu khác	135		305.046.822.721	177.015.628.720
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		905.406.976	8.468.712.092
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.5	757.537.321	518.247.646
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		147.869.655	7.950.464.446
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		92.987.204.262	77.759.146.818
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.877.006.811	3.837.460.966
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.6	2.440.577.593	3.231.635.777
Nguyên giá	222		8.311.570.131	7.138.797.640
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.870.992.538)	(3.907.161.863)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.7	3.436.429.218	605.825.189
Nguyên giá	228		4.556.209.064	1.189.469.550
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.119.779.846)	(583.644.361)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	VI.3	84.690.844.473	72.307.936.357
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		98.208.951.573	98.402.040.074
Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		98.208.951.573	98.402.040.074
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(13.518.107.100)	(26.094.103.717)
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.419.352.978	1.613.749.495
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.8	971.525.094	1.142.402.214
2. Tiền nợ Quý hỗ trợ thanh toán	263	VI.9	1.211.027.884	471.347.281
3. Tài sản dài hạn khác	268		236.800.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		488.915.228.942	390.469.378.621

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

- 7 -

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		258.978.964.414	188.852.214.216
I. Nợ ngắn hạn	310		258.883.346.396	188.808.434.818
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.10	73.933.000.000	29.500.000.000
2. Người mua trả tiền trước	313		205.000.000	257.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.11	918.045.430	1.173.492.291
4. Phải trả người lao động	315		1.188.852.545	429.775.980
5. Chi phí phải trả	316		448.428.135	130.844.906
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		726.942.000	-
7. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		42.711.600	7.394.072.414
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.234.118	22.234.118
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	VI.12	181.413.132.568	149.901.015.109
II. Nợ dài hạn	330		95.618.018	43.779.398
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		95.618.018	43.779.398
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		229.936.264.528	201.617.164.405
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.13	229.936.264.528	201.617.164.405
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		240.000.000.000	240.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		50.000.000.000	50.000.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.047.890.198	1.047.890.198
4. Lỗi lũy kế	420		(61.111.625.670)	(89.430.725.793)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		488.915.228.942	390.469.378.621

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Chứng khoán lưu ký			845.700.010.000	466.139.650.000
Trong đó:				
Chứng khoán giao dịch			627.386.150.000	412.496.640.000
- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký			16.023.770.000	9.074.540.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước			609.708.660.000	403.422.100.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài			1.653.720.000	-
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch			218.313.860.000	53.643.010.000
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký			2.000.000.000	-
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước			216.313.860.000	53.643.010.000



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2011
VŨ HỒNG HẠNH
 Tổng Giám đốc

NGUYỄN TRÁT MINH PHƯƠNG
 Kế toán trưởng

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

- 8 -

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

(Có so sánh số liệu với năm 2009)

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết Minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01	VII.1	81.329.171.781	47.387.358.692
Trong đó:				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		19.772.052.370	15.668.590.635
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		7.526.702.098	10.675.276.218
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		549.775.404	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		970.131.272	691.341.240
- Doanh thu khác	01.9		52.510.510.637	20.352.150.599
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		199.221.290	56.172.843
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		81.129.950.491	47.331.185.849
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VII.2	29.093.093.338	4.515.534.024
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		52.036.857.153	42.815.651.825
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.3	23.612.344.009	17.686.125.091
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.424.513.144	25.129.526.734
8. Thu nhập khác	31		137.545.178	171.989.320
9. Chi phí khác	32		242.958.199	-
10. Lợi nhuận (lỗ) khác	40		(105.413.021)	171.989.320
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28.319.100.123	25.301.516.054
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VII.4	-	-
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>28.319.100.123</u>	<u>25.301.516.054</u>
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>1.180</u>	<u>1.054</u>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2011


VỀ HỒNG HẠNH
 Tổng Giám đốc


 NGUYỄN TRÁT MINH PHƯƠNG
 Kế toán trưởng

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		28.319.100.123	25.301.515.134
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.499.966.160	2.061.697.555
- Hoàn nhập các khoản dự phòng	03		(9.594.799.619)	(39.516.506.695)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(10.925.548.260)	(28.204.271.221)
- Chi phí lãi vay	06		20.953.334.309	2.332.290.937
<i>Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		31.252.052.713	(38.025.274.290)
- Tăng các khoản phải thu	09		(122.359.551.614)	(47.497.256.770)
- Tăng/giảm các khoản phải trả	11		57.037.244.213	(6.256.389.620)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(68.412.555)	318.093.975
- Tiền lãi vay đã trả	13		(20.470.743.809)	(1.887.585.848)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.088.324.659)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		20.798.564.277.132	8.648.419.346.879
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(20.829.538.836.988)	(8.590.158.183.339)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(86.672.295.567)	(35.087.249.013)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.539.512.005)	(439.969.297)
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(123.752.524.273)	(111.417.546.543)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		106.087.013.903	139.220.823.079
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.925.548.260	29.274.757.572
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.279.474.115)	56.638.064.811
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		929.479.400.000	42.500.000.000
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(885.046.400.000)	(13.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		44.433.000.000	29.500.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(53.518.769.682)	51.050.815.798
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		86.887.749.790	35.836.933.992
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V1.1	33.368.980.108	86.887.749.790



VŨ HỒNG HẠNH
Tổng Giám đốc

NGUYỄN TRÁI MINH PHƯƠNG
Kế toán trưởng

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

- 10 -

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Phương Đông (gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là năm tài chính thứ 4 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND);

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn kế toán đối với Công ty chứng khoán", Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp" và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về "Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008".

2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán, tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo.

3. Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn là các khoản đầu tư cổ phiếu, trái phiếu tự doanh có thời hạn dưới 12 tháng được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Giá gốc của khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là giá mua trên thị trường mua bán chứng khoán và các chi phí liên quan về mua chứng khoán như chi phí môi giới và các chi phí giao dịch mua chứng khoán tự doanh.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản chênh lệch giữa giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ trong vòng 1 năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao áp dụng

TSCĐ khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thời gian khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

<u>Nhóm TSCĐ hữu hình</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3
Máy móc thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải	8
TSCĐ khác	3

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm vi tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm (phần mềm giao dịch, phần mềm kế toán,..) vào sử dụng. Phần mềm vi tính được khấu hao từ 3 đến 5 năm.

8. Đầu tư chứng khoán dài hạn

Đầu tư chứng khoán dài hạn là các khoản đầu tư cổ phiếu OTC có thời hạn luân chuyển và thu hồi vốn trên 1 năm.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn là các khoản chênh lệch giữa giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ từ 2 đến 5 năm.

10. Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Công ty ghi nhận doanh thu trên nguyên tắc sau:

- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận tại ngày phát sinh giao dịch, khi nghiệp vụ giao dịch chứng khoán đã khớp lệnh;
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn là chênh lệch lãi từ các hoạt động tự doanh chứng khoán của Công ty, thu lợi từ cổ tức cổ phiếu và lãi trái phiếu;
- Doanh thu hoạt động tư vấn được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện xong và xuất hóa đơn giá trị gia tăng;
- Doanh thu khác là lãi tiền gửi, thu phí từ dịch vụ khác,...

- 13 -

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

14. Nguồn vốn, các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
(a) Tiền mặt	11.057.367	8.337.133
Tiền mặt	11.057.367	8.337.133
(b) Tiền gửi ngân hàng	33.357.922.741	83.819.293.678
Tiền gửi của Công ty	10.319.166.166	52.135.844.683
Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư	23.038.756.575	31.683.448.995
(c) Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	-	3.060.118.979
Cộng	33.368.980.108	86.887.749.790

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	Khối lượng	Giá trị
Của Công ty chứng khoán	3.125.590	74.274.311.000
Cổ phiếu	3.125.590	74.274.311.000
Của nhà đầu tư	415.718.344	11.084.469.705.801
Cổ phiếu	415.718.344	11.084.469.705.801
Cộng	418.843.934	11.158.744.016.801

- 14 -

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

3. Tình hình đầu tư tài chính

	Số lượng		Giá trị theo sổ sách kế toán		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng khoán thương mại	1.797.961	896.662	53.738.553.379	36.579.954.508	(10.460.516.712)	(7.479.319.714)	43.278.036.667	29.100.634.794
Trái phiếu	700	-	700.000.000	-	-	-	700.000.000	-
Chứng khoán đầu tư	3.690.892	3.318.281	98.208.951.573	98.402.040.074	(13.518.107.100)	(26.094.103.717)	84.690.844.473	72.307.936.357
Chứng khoán sẵn sàng để bán	1.393.241	1.480.651	42.506.439.100	55.786.275.474	(13.518.107.100)	(26.094.103.717)	28.988.332.000	29.692.171.757
Chứng khoán dài hạn khác	2.297.651	1.837.630	55.702.512.473	42.615.764.600	-	-	55.702.512.473	42.615.764.600
Cộng	5.489.553	4.214.943	152.647.504.952	134.981.994.582	(23.978.623.812)	(33.573.423.431)	128.668.881.140	101.408.571.151

4. Các khoản phải thu ngắn hạn

Stt	Chi tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
		Tổng số	Số quá hạn	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn
1	Phải thu khách hàng	2.781.347.617	-	42.199.078.648	39.090.291.144	5.890.135.121	-
2	Trả trước cho người bán	1.667.639.190	-	1.953.905.060	3.318.651.740	302.892.510	-
3	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	6.788.519.600	-	38.566.431.369	38.919.200.392	6.435.750.577	-
	<i>Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán</i>	<i>6.788.519.600</i>	<i>-</i>	<i>38.566.431.369</i>	<i>38.919.200.392</i>	<i>6.435.750.577</i>	<i>-</i>
4	Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	930.779.200	930.779.200	-	-
5	Phải thu khác	177.015.628.720	-	6.628.341.610.075	6.500.310.416.074	305.046.822.721	-
Cộng		188.253.135.127	-	6.711.991.804.352	6.582.569.338.550	317.675.600.929	-

- 15 -

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển chi phí trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	59.974.471	271.660.344	174.462.640	157.172.175
Chi phí khác	458.273.175	2.725.558.003	2.583.466.032	600.365.146
Cộng	518.247.646	2.997.218.347	2.757.928.672	757.537.321

6. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Cộng
I. Nguyên Giá					
1. Số đầu năm	93.520.000	5.857.342.004	1.158.247.636	29.688.000	7.138.797.640
2. Tăng trong năm	-	1.172.772.491	-	-	1.172.772.491
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	93.520.000	7.030.114.495	1.158.247.636	29.688.000	8.311.570.131
II. Hao mòn lũy kế					
1. Số đầu năm	65.032.778	3.512.130.120	305.258.965	24.740.000	3.907.161.863
2. Tăng trong năm	25.617.778	1.788.483.942	144.780.955	4.948.000	1.963.830.675
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	90.650.556	5.300.614.062	450.039.920	29.688.000	5.870.992.538
III. Giá trị còn lại					
1. Số đầu năm	28.487.222	2.345.211.884	852.988.671	4.948.000	3.231.635.777
2. Số cuối năm	2.869.444	1.729.500.433	708.207.716	-	2.440.577.593

7. Tài sản cố định vô hình

Chi tiêu	Phần mềm máy tính	Cộng
I. Nguyên Giá		
1. Số đầu năm	1.189.469.550	1.189.469.550
2. Tăng trong năm	3.366.739.514	3.366.739.514
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số cuối kỳ	4.556.209.064	4.556.209.064
II. Giá Trị Hao Mòn		
1. Số đầu năm	583.644.361	583.644.361
2. Tăng trong năm	536.135.485	536.135.485
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số cuối kỳ	1.119.779.846	1.119.779.846
III. Giá Trị còn lại		
1. Số đầu năm	605.825.189	605.825.189
2. Số cuối năm	3.436.429.218	3.436.429.218

- 16 -

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

8. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển chi phí trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	1.096.524.826	201.542.258	651.998.563	646.068.521
Chi phí khác	45.877.388	389.994.298	110.415.113	325.456.573
Cộng	1.142.402.214	591.536.556	762.413.676	971.525.094

9. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	1.029.351.099	341.064.038
Tiền lãi phân bổ trong năm	61.676.785	10.283.243
Cộng	1.211.027.884	471.347.281

10. Vay và nợ ngắn hạn

	Lãi suất	Số đầu năm	Số vay trong năm	Số trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	13%/năm	-	655.000.000.000	(655.000.000.000)	-
Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương	12%/năm	16.000.000.000	-	(11.100.000.000)	4.900.000.000
Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần XNK Bình Thạnh	12%/năm	10.000.000.000	10.000.000.000	(20.000.000.000)	-
Vay các đối tượng khác	10% - 16%/năm	3.500.000.000	264.479.400.000	(198.946.400.000)	69.033.000.000
Cộng		29.500.000.000	929.479.400.000	(885.046.400.000)	73.933.000.000

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Stt	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
1	Thuế GTGT hàng nội địa	14.337.272	444.835.757	51.210.897	407.962.132
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.088.324.659	-	1.088.324.659	-
3	Các loại thuế khác	70.830.360	7.353.337.940	6.914.085.002	510.083.298
	- Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
	- Thuế thu nhập cá nhân	70.830.360	7.349.337.940	6.910.085.002	510.083.298
Cộng		1.173.492.291	7.798.173.697	8.053.620.558	918.045.430

- 17 -

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Kinh phí công đoàn</i>	17.528.140	18.917.443
<i>Bảo hiểm xã hội</i>	70.485.500	366.583
<i>Bảo hiểm y tế</i>	17.077.800	10.000
<i>Bảo hiểm thất nghiệp</i>	7.868.000	-
<i>Các khoản phải trả khác</i>	125.160.328.587	63.004.116.686
Phải trả lãi vay vốn	844.923.833	362.333.333
Phải trả vốn cho các Công ty	118.000.000.000	61.124.000.000
Các khoản phải trả khác	6.315.404.754	1.517.783.353
<i>Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn của nhà đầu tư</i>	56.139.844.541	86.877.604.397
Cộng	<u>181.413.132.568</u>	<u>149.901.015.109</u>

13. Vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lỗ lũy kế</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	240.000.000.000	50.000.000.000	1.047.890.198	(89.430.725.793)	201.617.164.405
Lãi trong năm	-	-	-	28.319.100.123	28.319.100.123
Số cuối năm	<u>240.000.000.000</u>	<u>50.000.000.000</u>	<u>1.047.890.198</u>	<u>(61.111.625.670)</u>	<u>229.936.264.528</u>

Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.000.000	24.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.000.000	24.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.000.000	24.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.000.000	24.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.000.000	24.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

- 18 -

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	19.772.052.370	15.668.590.635
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	549.775.404	-
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	7.526.702.098	10.675.276.218
Doanh thu hoạt động tư vấn chứng khoán	970.131.272	691.341.240
Doanh thu khác	52.510.510.637	(*) 20.352.150.599
Cộng	81.329.171.781	47.387.358.692
(*) Công ty đã trình bày lại giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư với số tiền là 73.089.930.126 VND từ doanh thu khác sang chi phí hoạt động kinh doanh. Điều này đã làm giảm doanh thu và giá vốn trong năm 2009 với số tiền tương ứng.		
2. Chi phí hoạt động kinh doanh		
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	9.611.540.161	4.658.765.033
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	7.414.098.344	36.816.891.339
Chi phí hoạt động tư vấn chứng khoán	157.309.067	88.823.400
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	551.611.076	92.132.010
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán	(9.594.799.619)	(*) (39.516.506.695)
Chi phí khác	20.953.334.309	2.375.428.937
Cộng	29.093.093.338	4.515.534.024
(*) Công ty đã trình bày lại giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư với số tiền là 73.089.930.126 VND từ doanh thu khác sang chi phí hoạt động kinh doanh. Điều này đã làm giảm doanh thu và giá vốn trong năm 2009 với số tiền tương ứng.		
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	10.737.512.872	8.858.330.375
Chi phí vật liệu quản lý	327.127.276	182.717.875
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.153.705.795	622.423.538
Chi phí khấu hao	2.499.966.160	2.061.697.555
Thuế, phí và lệ phí	6.952.000	4.500.000
Chi phí dự phòng	51.838.620	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.858.768.004	5.123.754.460
Chi phí bằng tiền khác	1.976.473.282	832.701.288
Cộng	23.612.344.009	17.686.125.091

- 19 -

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

4. Thuế thu nhập doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	28.319.100.123	25.301.516.054
Cộng: Chi phí không tính thuế	719.363.704	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Trừ: <i>Lỗi lũy kế năm các trước chuyển sang</i>	<u>(90.403.424.492)</u>	<u>(115.704.940.546)</u>
Lỗ tính thuế	(61.364.960.665)	(90.403.424.492)
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>-</u>	<u>-</u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 25% lợi nhuận thu được.

Năm 2010, Công ty kinh doanh có lãi nhưng Công ty đang thực hiện chuyển lỗ nên không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn của khách hàng đầu tư	<u>23.038.756.575</u>	<u>31.683.448.995</u>

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trong vòng 1 năm	1.722.053.455	2.492.275.418
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	2.544.460.800	1.474.381.655
Sau 5 năm	<u>2.561.837.000</u>	<u>-</u>
Cộng	<u>6.828.351.255</u>	<u>3.966.657.073</u>

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện tiền thuê văn phòng làm việc cho Công ty và các phòng giao dịch. Các hợp đồng thuê được thỏa thuận cho khoảng thời gian từ 01 đến 10 năm, tiền thuê được thỏa thuận trong hợp đồng trong suốt thời gian thuê.

- 20 -

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

2. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Đvt	Năm nay	Năm trước
Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
<i>Bố trí cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	80,98	80,09
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	19,02	19,91
<i>Bố trí cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	52,97	48,37
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	47,03	51,63
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,89	2,07
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,53	1,66
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,13	0,46
Tỷ suất sinh lời			
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
Tỷ suất lợi nhuận kinh doanh trên doanh thu thuần	%	34,91	53,46
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	34,91	53,46
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	5,79	6,48
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	5,79	6,48
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu</i>	%	12,32	12,55

3. Số liệu so sánh

Một số số liệu của báo cáo năm trước đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2011



VŨ HỒNG HẠNH
Tổng Giám đốc

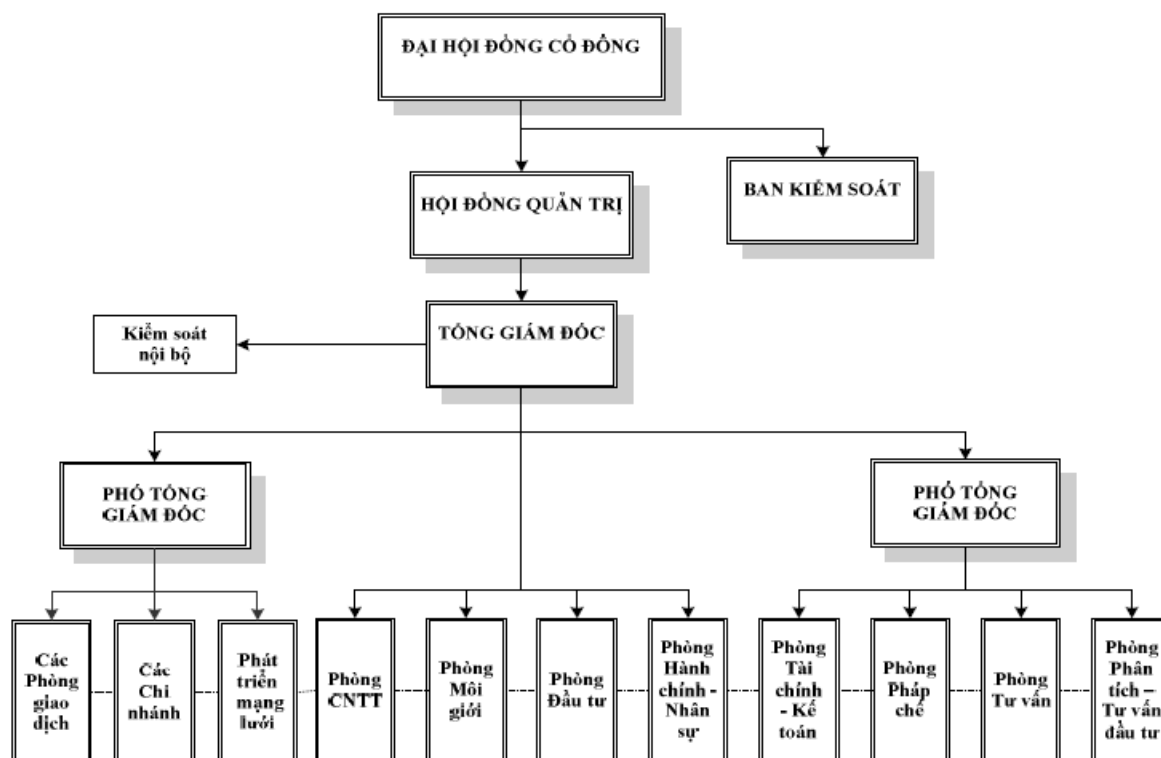
NGUYỄN TRÁT MINH PHƯƠNG
Kế toán trưởng

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Báo cáo về nhân sự:

Đến 31/12/2010 ORS đã có 102 CBCNV đang công tác tại các phòng ban nghiệp vụ. Trong đó có 05 nhân viên đang công tác tại Chi nhánh Hà Nội, 05 nhân viên đang công tác tại Chi nhánh Cần Thơ, 11 nhân viên đang công tác tại chi nhánh Tân Bình, 09 nhân viên đang công tác tại chi nhánh Gia Định, 01 nhân viên đang công tác tại chi nhánh Đồng Nai. Việc tổ chức nhân sự đã tương đối ổn định và hoạt động có hiệu quả.

2. Sơ đồ tổ chức



3. Kế hoạch về nhân sự:

Công ty tiếp tục đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực nhằm phục vụ khách hàng tốt nhất cũng như không ngừng sắp xếp, cơ cấu lại, đảm bảo hiệu quả sử dụng lao động nhằm tiết kiệm chi phí cho công ty.

VIII. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1.1 Hội đồng quản trị

a. Cơ cấu Hội đồng Quản trị : đến 31/12/2010

- Ông Nguyễn Băng Tâm - Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Ông Lâm Đạo Thảo - Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Ông Nguyễn Văn Bá - Ủy viên Hội đồng Quản trị
- Ông Nguyễn Vĩnh Thọ - Ủy viên Hội đồng Quản trị

b. Tóm tắt lý lịch của các thành viên HĐQT:

❖ Ông Nguyễn Băng Tâm – Chủ Tịch HĐQT

- CMND: Số 020095827 do CA Tp.HCM cấp ngày 18/02/2003
- Giới tính: Nam
- Nam sinh: 1952
- Nơi sinh: Bình Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 433/14 Bình Quới, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh, Tài chính kế toán
- Quá trình công tác:
 - Từ 1976 – 1980: Bí thư Quận đoàn Quận Bình Thạnh
 - Từ 1981 – 1985: Bí thư Đảng uỷ phường 19,21,24 Quận Bình Thạnh
 - Từ 1986 – 1987: Giám đốc Công ty Dịch Vụ Tổng Hợp Bình Thạnh
 - Từ 1988 – 1990: Giám đốc Công ty Thương nghiệp Tổng Hợp Bình Thạnh

- Từ 1990 – 2006: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty CP SXKD XNK Bình Thạnh

- Từ 2007 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP SXKD XNK Bình Thạnh

Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bến Thành

- Từ 2007 – 2009: Ủy viên HĐQT Công ty CP Chứng khoán Phương Đông

- Từ 05/2009 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Phương Đông

- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Phương Đông

- Chức vụ công tác khác:

- Phó TGD Tổng Công ty Bến Thành
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP SXKD XNK Bình Thạnh (GIL)
- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Kỹ nghệ Đô Thành (DTT)
- Thành viên HĐQT Công ty CP Thương mại Hóc Môn (HTC)

❖ Ông **Lâm Đạo Thảo** – Phó Chủ tịch HĐQT

- CMND: Số 020839829 do CA Tp.HCM cấp ngày 29/10/2003

- Giới tính: Nam

- Nam sinh: 1961

- Nơi sinh: Sài Gòn

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 809/35G Trần Hưng Đạo, Quận 5, TP.HCM

- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính kế toán

- Quá trình công tác:

- Từ 1984 – 1987: Kế toán trưởng tổng cục điện tử và kỹ thuật tin học văn phòng tại TP HCM
- Từ 1987 – 1991: Kế toán trưởng, Công ty XNK Điện tử

- Từ 1991 – 1995: Phó Giám đốc, Xí nghiệp liên doanh Hồng Việt
- Từ 1995 – 2004: Ủy viên HĐQT – Phó Chủ tịch thứ nhất kiêm Tổng Giám đốc

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

- Từ 2003 – 2004: Chủ tịch HĐQT, Công ty liên doanh quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam
- Từ 2004 – 2005: Phó TGD Ngân hàng TMCP Nam Á
- Từ 2007 – 05/2009: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Phương Đông
- Từ 05/2009 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Phương Đông

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ công tác khác:

- Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông.

❖ Bà **Nguyễn Thị Thanh Hà** – Phó chủ tịch HĐQT:

- CMND: Số 022079623 do CA Tp.HCM cấp ngày 11/01/1997

- Giới tính: Nữ

- Năm sinh: 1954

- Nơi sinh: Tiền Giang

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 133 Nguyễn Phúc Nguyên, Quận 3, TP.HCM

- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

- Quá trình công tác:

- Từ 1979 – 1985: Kế toán trưởng – Trưởng Phòng Kế toán, Xí nghiệp Cung ứng vật tư, Quận 1
- Từ 1985 – 1992: Kế toán trưởng – Trưởng Phòng Kế toán, Công ty Thương nghiệp Chợ Bến Thành.

- Từ 1992 – 1997: Kế toán trưởng – Trưởng Phòng Kế toán, Công ty TMTH Bến Thành, Quận 1.
- Từ 1997 – 2001: Phó Giám đốc – Công ty TMTH Bến Thành
- Từ 2001 – 2004: Giám đốc Công ty TMTH Bến Thành
- Từ 2004 – 01/2009: Tổng Giám đốc Công ty CP TMDV Bến Thành
- Từ 2007 – 05/2009: Trưởng BKS Công ty CP Chứng khoán Phương Đông
- Từ 05/2009 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Phương Đông

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ công tác khác:

- Trưởng Ban kiểm soát - Ngân hàng TMCP Phương Đông
- Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty CP TMDV Bến Thành

❖ Ông **Nguyễn Văn Bá** – Thành viên HĐQT

- CMND: Số 020588870 do CA Tp.HCM cấp ngày 29/10/2003

- Giới tính: Nam

- Năm sinh: 1956

- Nơi sinh: Quảng Ngãi

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 97 Hoàng Hoa Thám, P.13, Q.Tân Bình, TP.HCM

- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Tài chính ngân hàng

- Quá trình công tác:

- Từ 1980 – 1988: Sĩ quan quân đội Nhân dân Việt Nam
- Từ 1988 – 1994: Giám đốc Trung tâm thương mại Lâm Hà, Tp.HCM
- Từ 1996 đến nay: Ủy viên thường trực HĐQT, Ngân hàng TMCP Phương Đông

Tổng Giám đốc Công ty CP An Lộc – Bình Dương

- Từ 2007 – 05/2009: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Phương Đông
- Từ 05/2009 đến nay: Ủy viên HĐQT, Công ty CP Chứng khoán Phương Đông

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT

- Chức vụ công tác khác:

- Ủy viên thường trực HĐQT, Ngân hàng TMCP Phương Đông
- Tổng Giám đốc Công ty CP An Lộc – Bình Dương

❖ Ông **Nguyễn Vĩnh Thọ** - Thành viên HĐQT

- CMND: Số 020296936 do CA Tp.HCM cấp ngày 17/03/1993

- Giới tính: Nam

- Nam sinh: 1961

- Nơi sinh: Bình Định

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 17 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, Tp.HCM

- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

- Quá trình công tác:

- Từ 1982 – 1984: Công tác tại Lực lượng TNXP Tp.HCM
- Từ 1984 – 1985: Công tác tại Xí nghiệp lâm sản Q.Tân Bình, Tp.HCM
- Từ 1985 – 1988: Thư ký tổng hợp Công ty Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
- Từ 1988 – 1992: Trưởng Phòng Kinh doanh Công ty Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
- Từ 1992 – 2004: Phó Giám đốc Công ty Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (Savico)
- Từ 01/2005 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (Savico)
- Từ 2007 đến nay: Ủy viên HĐQT, Công ty CP Chứng khoán Phương Đông

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT

- Chức vụ công tác khác: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (Savico)

c. Hoạt động của HĐQT:

Trong năm 2010, Hội đồng Quản trị đã quản lý, chỉ đạo hoạt động Công ty theo đúng pháp luật, điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra. Tập trung chỉ đạo, giám sát kịp thời hỗ trợ Ban Tổng giám đốc thông qua việc ban hành các Nghị quyết, quyết định liên quan đến lĩnh vực kinh doanh và tổ chức nhân sự lãnh đạo của Công ty phù hợp với quy chế, quy định của Nhà nước, đồng thời ban hành các quyết định, quy chế phục vụ công tác quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.2 Ban Kiểm soát:

a. Cơ cấu Ban kiểm soát: đến 31/12/2010

- Ông Tề Trí Dũng - Trưởng ban kiểm soát
- Ông Nguyễn Văn Phẩm - Thành viên ban kiểm soát
- Bà Lê Thị Yến - Thành viên Ban kiểm soát

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm qua, Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm soát quá trình hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (ORS) với các nội dung sau:

- Kiểm tra tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2010.
- Kiểm tra báo cáo tài chính năm 2010: kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hàng quý nhằm đánh giá tính hợp lý của số liệu tài chính.
- Nhận xét, đánh giá việc quản lý điều hành của Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc trong thực hiện nhiệm vụ kinh doanh năm 2010.
- Kiến nghị, kết luận của Ban kiểm soát trong công tác quản lý điều hành của Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc.

1.3 Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT:

Tính đến 31/12/2010: tỷ lệ sở hữu/đại diện sở hữu cổ phần của các TV Hội đồng Quản trị như sau:

- Ông Nguyễn Băng Tâm - Chủ Tịch Hội đồng Quản trị (6,16%/VĐL)
- Ông Lâm Đạo Thảo - Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị (1,67%/VĐL)
- Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị (2,25%/VĐL)

- Ông Nguyễn Văn Bá - Ủy viên Hội đồng Quản trị (11,42%/VĐL)
- Ông Nguyễn Vĩnh Thọ - Ủy viên Hội đồng Quản trị (10%/VĐL)

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông:

Đơn vị: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thời Điểm 31/12/2010
	TỔNG VỐN ĐIỀU LỆ:	240,000,000,000
	TRONG ĐÓ:	
1	CỔ ĐÔNG TỔ CHỨC	
	+ SỐ LƯỢNG TỔ CHỨC	10
	+ SỐ VỐN SỞ HỮU	124,57 tỷ đồng
	+ TỶ LỆ VỐN SỞ HỮU	51,91%
2	CỔ ĐÔNG CÁ NHÂN	
	+ SỐ LƯỢNG	223
	+ SỐ VỐN SỞ HỮU	115,4 tỷ đồng
	+ TỶ LỆ VỐN SỞ HỮU	48,09%

2.1. Cổ đông trong nước

Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn: (Thời điểm 31/12/2010)

Tên	Địa chỉ	Số lượng CP SH	Tỷ lệ CP SH	Lĩnh vực kinh doanh
Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB)	45 Lê Duẩn Quận 1 TP.HCM	2.640.000	11%	Kinh doanh các dịch vụ cung cấp bởi một ngân hàng.
Công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (SAVICO)	68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa Quận 1 TP.HCM	2.400.000	10,00%	Kinh doanh bất động sản, dịch vụ - thương mại và đầu tư tài chính.
Tổng Công Ty Bến Thành (SUNIMEX)	71-79 Đồng Khởi Quận 1 TP.HCM	1.800.000	7,50%	Kinh doanh các dịch vụ thương mại, tài chính – ngân hàng, du lịch, bưu chính viễn thông, bất động sản và khu công nghiệp.

2.2. Cổ đông nước ngoài

Tính đến 31/12/2010, Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông chưa có cổ đông là cá nhân hoặc tổ chức nước ngoài.

TỔNG GIÁM ĐỐC

VŨ HỒNG HẠNH

